

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

X1110 S3S

Giày bảo h ộ **da** thấp để bảo v ệ **trong phong cách**

Giày bảo h ộ c ổ thấp X1110 đư ệc thi ết kn g công việ c
kh Giày bảo vệ năng ng chu ố ếi và phù h hiệp ngành n gh ề khác
nhau.

Những vật liệu cao cấp hơn	Da Nappa Action
lót bên trong	Cambrella
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	ồng hợp t
Loạ	S3S / SR, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0 JPN 21.5-31 / KOR 230-310
ng lượng thép	0.653 kg
ẩn hiêu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024

CE · SB · SB P · SB E · HRO · FO · CI · WPA · 3FIT SYSTEM · NESKRID

CO_2 11.21 kg



BLK



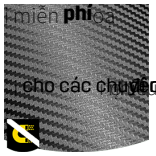
S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi trường ẩm ướt và có đế chống đâm thủng. Những đôi giày này cũng bảo vệ người dùng khỏi nguy cơ trượt và nghiền nát bàn chân.



Mũi giày an toàn composite
Không có kim l và nhẹ hơn so với mũi giày thông thường. Chúng cũng không dẫn nhiệt hoặc dẫn điện



SJ Flex
Vật liệu chống đâm thủng không có kim thép. Vật liệu không dệt này là 100% cùng. Bao gồm các sợi tổng hợp



Kim miễn phí
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia trong ngành giày.



& nhiên
ế ngoài có khả năng và nhiên liệu.



SRA
giày SRA là một trong những tính năng quan trọng và phòng pha loãng.

Công nghiệp n:

lĩnh vự ô tô, Xây dựng, Khai thác mỏ, Dầu khi, Ngành công nghiệp chế biến

ường: **Môi t**

rư ờn ng ẩm, môi khô, môi ùn, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi ẩm ướt

Cac hương dẫn ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp phù hợp

K

Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết ả	đơn vị u	đo lường q
Những vật liệu **Da Nappa Action cao** cấp hơn				
Top: khả năng thấm hơi	? 0.8	2.86	giờ	mg/cm/g
Top: hiệu suất hơi	? 15	30		mg/cm2
ót bên trong **Cambrella**				
Lớp lót: thấm hơi	? 2	26.68	giờ	mg/cm/g
Lót: hiệu suất hơi	? 20	214		mg/cm2
rong Đệm **chân SJ làm** từ **mút tái** chế **(96%** vật liệu **tái** chế)				
Đệm chân: Chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800		chu kỳ
goài Đ **PU / PU**				
Chống trượt đế ngoài (mài mòn)	? 150	33		mm
Chư ống trượt gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót về phía t	? 0.31	0.39		ma sát
rư Gót cốt bản - Gốm + NaLS - Trư ợt lùi về phía t	? 0.36	0.38		ma sát
rư Gót SR - Gốm + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.29		ma sát
Chư ống trượt SR - Gốm + Glycerin - Trư ợt lùi về phía t	? 0.22	0.27		ma sát
ị ch ống Giá t tĩnh điện	0.1 - 1000	188.6		megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A		megaohm
Hấp thụ năng l ợ gót chân của	? 20	24		J
Đ ở n g đầu tiên				
Mũi giày an toàn ch ống va đập (khoảng cách sau va đập 100J)	N/A	N/A		mm
Mũi bảo h ộ ch ống nén (khoảng h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A		mm
Mũi giày an toàn ch ống va đập (khoảng cách sau va đập 200J)	? 14	17.0		mm
Mũi giày an toàn ch ống nén (khoảng h ở sau khi nén 15kN)	? 14	22.5		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có ý thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Sự miêu t ả	ết ả	đơn vị u	đo lường q
i **CO phát** thải			
V ật liệu		8.93	kg
Bao bì		0.12	kg
ất Sản x u		1.90	kg
Chuyên ch ở		0.26	kg
		11.21 kg CO2/ cặp	

Sự miêu t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
Product		5%	
Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.